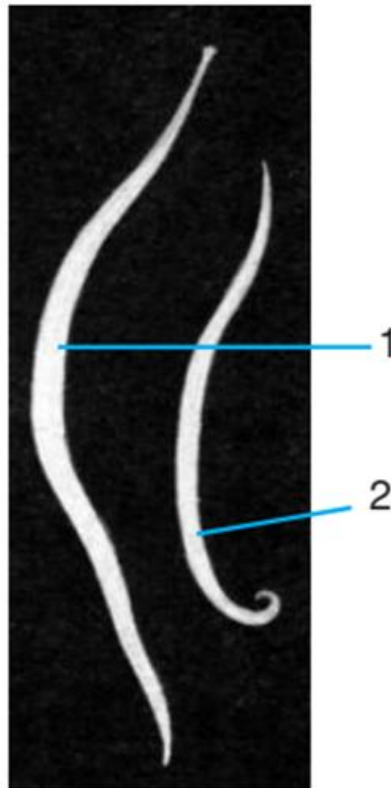


CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN TRÒN

BÀI 13: GIUN Đũa

Giun đũa thường kí sinh ở ruột non người, nhất là ở trẻ em, gây đau bụng, đôi khi gây tắc ruột và tắc ống mật.

I. Cấu tạo ngoài



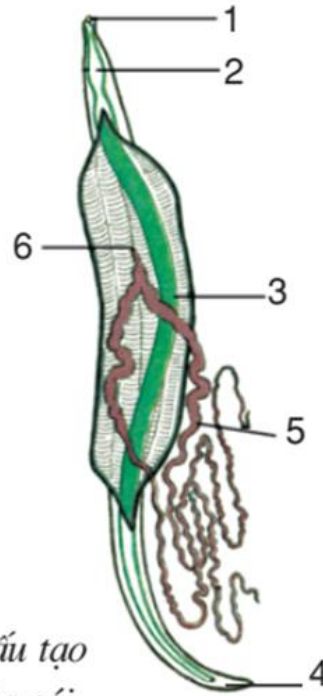
*Hình 13.1. Hình dạng giun đũa
1. Giun cái to, dài ; 2. Giun đực,
nhỏ, ngắn, đuôi cong.*

- Cơ thể hình ống, dài khoảng 25 cm.
- + Con đực: nhỏ, ngắn, đuôi cong.
- + Con cái: to, dài.

- Lớp vỏ cutin ngoài cơ thể giúp giun đũa chống dịch tiêu hóa của vật chủ.

II. Cấu tạo trong và di chuyển

* Cấu tạo trong:



Hình 13.2. Cấu tạo trong giun đũa cái

1. Miệng ; 2. Hầu ; 3. Ruột.
4. Hậu môn ; 5. Tuyến sinh dục ;
6. Lỗ sinh dục cái.

- Thành cơ thể có lớp biểu bì và cơ dọc phát triển.
- Có khoang cơ thể chưa chính thức:
 - + Ống tiêu hóa: miệng, ruột và hậu môn.
 - + Tuyến sinh dục: dài cuộc khúc.

* Di chuyển:

- Do cơ thể chỉ có lớp cơ dọc phát triển nên di chuyển hạn chế.

- Cơ thể cong và duỗi ra giúp giun đũa chui rúc trong môi trường kí sinh.

III. Dinh dưỡng

- Thức ăn di chuyển một chiều từ miệng theo ống ruột thẳng tới hậu môn.

- Hầu phát triển giúp hút chất dinh dưỡng vào nhanh và nhiều. → Nhờ đặc điểm đầu nhọn và có khả năng di chuyển (cong, duỗi cơ thể), giun đũa chui được vào ống mật, gây tắc ống mật.

IV. Sinh sản

*** Cơ quan sinh sản:**

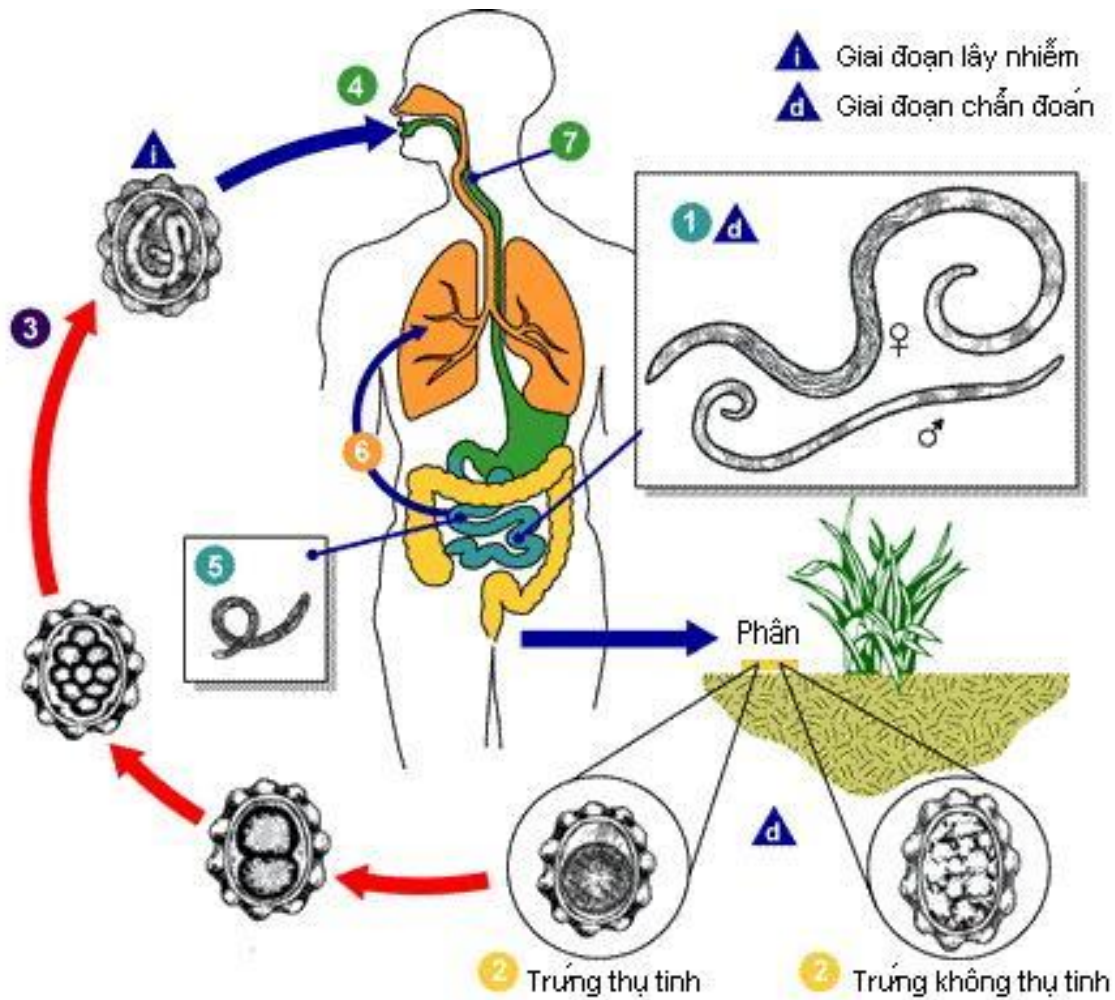
- Giun đũa phân tính, cơ quan sinh dục dạng ống.

+ Con đực: 1 ống.

+ Con cái: 2 ống.

- Thụ tinh trong, con cái đẻ nhiều trứng, lẫn vào phân người.

*** Vòng đời giun đũa**



- Trứng giun theo phân ra ngoài, gặp ẩm và thoáng khí, phát triển thành dạng ấu trùng trong trứng. Người ăn phải trứng giun (qua rau sống, quả tươi, ...), đến ruột non, ấu trùng chui ra, vào máu, đi qua tim, gan, phổi, mệt rồi lại về ruột non lần thứ 2 mới chính thức kí sinh ở đây.

→ Rửa tay trước khi ăn và không ăn rau sống để ngăn chặn con đường xâm nhập của giun vào trong cơ thể. Tẩy giun định kì để diệt giun đũa, hạn chế số lượng trứng.

BÀI 14: MỘT SỐ GIUN TRÒN KHÁC

I. MỘT SỐ GIUN TRÒN KHÁC

1. Một số ví dụ:



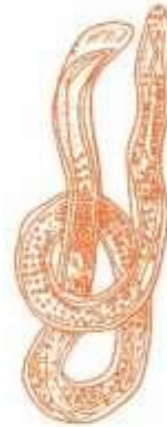
Hình 14.1. Giun kim

Kí sinh ở ruột già người, nhất là ở trẻ em. Đẻ, giun cái liên tục tìm đến hậu môn để trứng gây ngứa ngáy. Trứng giun qua tay và thức ăn truyền vào miệng.



Hình 14.2. Giun móc câu

Kí sinh ở tá tràng làm người bệnh xanh xao, vàng vọt. Ấu trùng xâm nhập qua da bàn chân, khi người đi chân đất ở vùng cổ ấu trùng giun móc câu (vùng mỡ, vùng trống màu...) sẽ dễ bị mắc bệnh.



Hình 14.3. Giun rế lúa

Kí sinh ở rế lúa gây thối rế, lá lúa vàng rồi cây chết. Giun rế lúa là một trong các nguyên nhân gây "bệnh vàng lùn", rất nguy hại ở cây lúa.

* Kết luận:

- Phần lớn giun tròn kí sinh ở động vật, thực vật và người, một số sống tự do.
- Tác hại: hút các chất dinh dưỡng trong cơ thể người và động vật, gây ra các bệnh ở mức độ nguy hại khác nhau
- Đại diện: giun chỉ, giun móc câu, giun tóc, giun kim, giun xoắn...

2. Biện pháp phòng tránh bệnh giun:

- Giữ gìn vệ sinh cá nhân: rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
- Giữ gìn vệ sinh môi trường: tiêu diệt ruồi nhặng, không vứt rác bừa bãi
- Đi giày, ủng khi tiếp xúc ở nơi đất bẩn
- Kiểm nghiệm thực phẩm và cấm buôn bán các loại thịt trâu, bò, lợn... bị nhiễm bệnh
- Giáo dục trẻ bỏ thói quen mút tay.

- Tẩy giun 2 lần/năm.

II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG (GIẢM TẢI)

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Nội dung:

1/ Hình thức trắc nghiệm: 25 câu

2/ Thời gian: tuần 8

3/ Trắc tuyến trên K12 online

4/ Tài liệu dựa trên các bài sau:

STT	NỘI DUNG
1	Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật.
2	Trùng roi.
3	Trùng biến hình và trùng giày.
4	Trùng kiết lị và trùng sốt rét.
5	Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của Động vật nguyên sinh.
6	Thủy tức
7	Đa dạng của ngành Ruột khoang.
8	Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang.
9	Sán lá gan.
10	Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành Giun dẹp.
11	Giun đũa.
12	Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành Giun tròn